

BÁO CÁO

Hệ thống bảo đảm chất lượng năm học 2017-2018

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

- Tên trường: **Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh**
- Tên Tiếng Anh: Bac Ninh College of Electromechanics and Construction.
- Cơ quan chủ quản: **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**
- Địa chỉ trường:
+ Trụ sở chính: Khu 10 Phường Đại Phúc-Thành phố Bắc Ninh-Tỉnh Bắc Ninh.

Cơ sở 1: Khu 10 Phường Đại Phúc-Thành phố Bắc Ninh-Tỉnh Bắc Ninh

Cơ sở 2: Phường Hạp Lĩnh- Thành phố Bắc Ninh-Tỉnh Bắc Ninh

- Số điện thoại: 02223854681; 02223854331.

- Số fax: 02223854681

- E-mail: vanthu.hctc@gmail.com

- Website: <http://www.codienxaydungbacninh.edu.vn>

- Năm thành lập trường:

Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh tiền thân là trường Công nhân Xây dựng thuộc Bộ Thủy lợi nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT được thành lập ngày 23/11/ 1971 .

Năm 2006, Trường được nâng cấp thành trường Trung cấp nghề Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh.

Năm 2009 trường được nâng cấp thành trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh tại Quyết định số 806/QĐ-LĐTBXH, ngày 25 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ lao động thương binh và Xã hội.

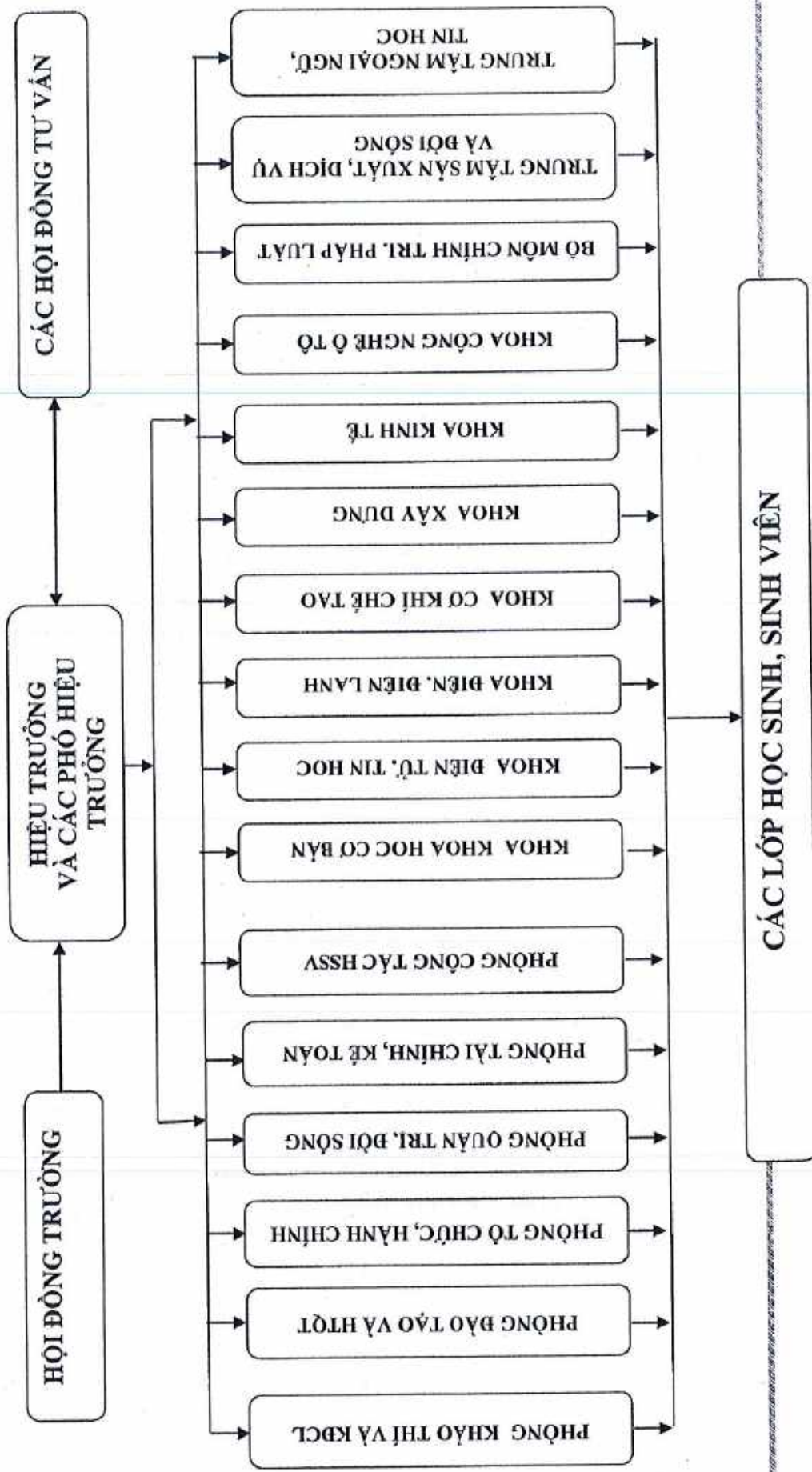
Năm 2017 trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh theo Quyết định số 908/QĐ-LĐTBXH ngày 20/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

1.1.1 Cơ cấu tổ chức (Sơ đồ mô tả, bao gồm: Ban Lãnh đạo, phòng, khoa, bộ môn, trung tâm, ...)



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG BẮC NINH



1.1.2 Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

(Các phòng, ban, khoa, trung tâm chi ghi cấp trưởng)

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Nguyễn Quốc Huy	1974	Tiến sĩ	Hiệu Trưởng
	Chu Bá Chín	1970	Tiến sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Trương Văn Tâm	1980	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng Bộ	Nguyễn Quốc Huy	1974	Tiến sĩ	Bí Thư
Chi bộ 1	Nguyễn Mạnh Hùng	1974	Thạc Sĩ	Bí thư
Chi bộ 2	Đỗ Khắc Phong	1974	Thạc Sĩ	Bí thư
Chi bộ 3	Trần Văn Thành	1981	Đại học	Bí thư
Chi bộ 4	Nguyễn Xuân Hùng	1963	Đại học	Bí thư
Công Đoàn	Trương Văn Tâm	1980	Thạc sĩ	Chủ tịch Công đoàn
Đoàn Thanh niên	Trương Ngọc Tâm	1985	Thạc sĩ	Bí thư
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng TC, HC	Thái Thị Lan Hương	1964	Đại học	Phụ trách Phòng
Phòng Quản trị, Đời sống	Nguyễn Quang Chương	1972	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo và HTQT	Nguyễn Mạnh Hùng	1974	Thạc Sĩ	Trưởng phòng
Phòng Tài chính, Kế toán	Vũ Thị Tú Anh	1966	Đại học	Trưởng phòng
Phòng Khảo thí và KĐCL	Vũ Văn Minh	1979	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Lương Tuấn Đức	1973	Thạc sĩ	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				
Khoa Công nghệ ô	Nguyễn Văn Huấn	1980	Thạc Sĩ	Trưởng khoa

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
tô				
Khoa Xây dựng	Đặng Đình Vệ	1972	Thạc Sĩ	Trưởng khoa
Khoa Điện tử, Tin học	Trần Đình Toàn	1980	Thạc Sĩ	Trưởng khoa
Khoa Điện, Điện lạnh	Lê Minh Cường	1977	Thạc Sĩ	Trưởng khoa
Khoa Cơ khí chế tạo	Vũ Xuân Thuỷ	1978	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế	Doãn Phương Nhung	1984	Đại học	Trưởng khoa
Khoa Khoa học cơ bản	Nguyễn Xuân Hùng	1963	Đại học	Trưởng khoa
Bộ môn Chính trị, Pháp luật	Trần văn Thành	1981	Đại học	Trưởng Bộ Môn
5. Trưởng các đơn vị trực thuộc (Trung tâm, Thư viện ...)				
Trung tâm Sản xuất, Dịch vụ và Đời sống	Nguyễn Gia Thành	1971	Đại học	Giám đốc

1.1.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường:

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	170	169	169
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	133	130	131
- Tiến sĩ	01	02	02
- Thạc sĩ	60	60	63
- Đại học	71	67	66
- Cao đẳng	01	1	0
- Trung cấp	0	0	0
- Trình độ khác	0	0	0
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	126/133	123/130	127/131

1.2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

T T	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
			Quy mô tuyế n sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyế n sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyế n sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
1	Nghề Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	20	0	20	0	70	0
		Trung cấp	20	43	20	30	80	0
		Sơ cấp					60	0
2	Nghề Công nghệ Ôtô	Cao đẳng	20	31	25	27	50	43
		Trung cấp	30	26	25	15	60	35
3	Nghề Điện Công nghiệp	Cao đẳng	95	130	100	161	100	157
		Trung cấp	100	223	130	62	90	61
4	Nghề Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	110	202	100	224	100	202
		Trung cấp	250	169	150	131	100	56
5	Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cao đẳng	35	131	100	142	30	133
		Trung cấp	70	63	45	44	50	55
6	Nghề Cơ điện nông thôn	Trung cấp	15	0	15	0	10	0
7	Nghề Lập trình máy tính	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
8	Nghề Công nghệ thông tin	Cao đẳng	20	12	20	20	45	24
		Trung cấp	35	34	35	49	60	16
9	Nghề Điện tử dân dụng	Sơ cấp	0	0	0	0	30	0
10	Nghề Điện lạnh	Sơ cấp	0	0	30	0	50	0
11	Nghề Điện	Sơ cấp	0	0	0	0	30	0

	Tên nghề	Trình độ	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Otô							
12	Nghề Tin học văn phòng	Sơ cấp	0	0	30	0	35	0
13	Nghề Kế toán	Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
14	Nghề Điện dân dụng	Sơ cấp	0	0	0	0	100	0
15	Nghề Hàn	Cao đẳng	20	0	20	0	25	0
		Trung cấp	35	78	35	36	30	0
		Sơ cấp	0	0	30	0	35	0
16	Nghề Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi	Cao đẳng	15	4	20	0	30	0
		Trung cấp	15	4	0	6	30	0
		Sơ cấp	0	0	30	0	35	8
17	Nghề Cấp, thoát nước	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
		Trung cấp	0	0	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	50	0
18	Gia công và lắp dựng kết cấu thép	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	30	0
19	Nghề Gia công và thiết kế sản phẩm mộc	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
20	Nghề Quản lý khai thác công trình thủy lợi	Cao đẳng					30	0
		Trung cấp	20	8	20	6	30	7
21	Nghề Mộc xây dựng	Sơ cấp		30	0	0	30	0
22	Nghề Xử lý nước thải công nghiệp	Cao đẳng	15		20		30	0
		Trung cấp	20	8	20	36	30	0
23	May thời	Trung cấp	70	10	35	87	35	14

	Tên nghề	Trình độ	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	trang							
24	Kỹ Thuật Xây dựng	Cao đẳng	0	0	20	0	20	0
		Trung cấp	0	0	0	0	30	0

1.3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng là phòng chức năng thuộc trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh được thành lập năm 2010. Hiện nay Phòng có tổng số 07 cán bộ, trong đó có 01 trưởng phòng, 01 phó trưởng phòng và 05 cán bộ, giáo viên. Số điện thoại: 02223856745; Địa chỉ mail: vuminhcd@gmail.com

Phòng có chức năng và nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Công tác khảo thí

a) Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác khảo thí theo Quy chế thi, kiểm tra do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành và các quy định của Nhà trường;

b) Thực hiện công tác quản lý kết quả học tập của học sinh, sinh viên và học viên theo quy định Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các quy định của Nhà trường;

c) Cung cấp kết quả học tập của học sinh, sinh viên cho các bộ phận, cá nhân trong Trường để thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện và học bổng của học sinh, sinh viên;

d) Xây dựng các văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác khảo thí trong Nhà trường theo quy định của pháp luật liên quan;

đ) Xây dựng và quản lý sử dụng ngân hàng đề thi, đề kiểm tra cho công tác thi kết thúc môn học, mô đun, thi tốt nghiệp;

e) Xây dựng và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác khảo thí cho cán bộ, giảng viên;

f) Thư ký Hội đồng thi tốt nghiệp.

2. Công tác kiểm định chất lượng:

a) Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác tự kiểm định chất lượng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành và các bộ tiêu chí do Hiệu trưởng ban hành;

b) Phối hợp với tổ chức, kiểm định ngoài về thực hiện công tác kiểm định Nhà trường;

c) Tổ chức giám sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng giảng dạy trên cơ sở mục tiêu chương trình, mục tiêu môn học, mục tiêu bài học và chuẩn đầu ra;

d) Tổ chức khảo sát chất lượng đào tạo của Nhà trường;

đ) Tổ chức lưu trữ các tài liệu tự kiểm định, kiểm định ngoài của Nhà trường, cập nhật tài liệu công tác kiểm định;

e) Thư ký Hội đồng tự kiểm định;

f) Tổ chức bồi dưỡng công tác kiểm định cho cán bộ quản lý và giảng viên Nhà trường;

g) Xây dựng các văn bản hướng dẫn, các bộ tiêu chí nội bộ để kiểm định chất lượng các bộ phận trong Nhà trường.

3. Các công tác khác:

a) Thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ cơ quan cấp trên và Hiệu trưởng;

b) Quản lý, tổ chức khai thác sử dụng tài sản được giao;

c) Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

a) Đặt vấn đề

Trong những năm qua, nhà trường đã thực hiện các hoạt động kiểm định chất lượng trường, bên cạnh đó thì việc xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong là nền tảng quan trọng trong việc bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần hình thành “văn hóa chất lượng” trong nhà trường, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường. Đây cũng là yếu tố quan trọng để khẳng định chất lượng thực sự của trường nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm định và ĐBCL. Việc xây dựng hệ thống ĐBCL trong nhà trường là cơ hội để nhà trường tiếp cận mô hình quản lý hiện đại, nhấn mạnh vai trò của nhà quản lý, gắn kết sự tham gia của tất cả các thành viên trong trường và giúp trường giải quyết các vấn đề quản lý một cách đồng bộ, khoa học, luôn cập nhật, không ngừng cải tiến đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Bên cạnh đó thì Bộ LĐ-TBXH đã ban hành Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Chính vì vậy, việc thực hiện xây dựng hệ thống ĐBCL là cần thiết và cũng là nhiệm vụ, trách nhiệm của nhà trường.

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b1) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải thực hiện xây dựng hệ thống ĐBCL của mình.

b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Mục đích của xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng là để bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần hình thành “văn hóa chất lượng” trong nhà trường, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường. Đây cũng là yếu tố quan trọng để khẳng định chất lượng thực sự của trường nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm định và ĐBCL. Việc xây dựng hệ

thống ĐBCL trong nhà trường là cơ hội để các trường tiếp cận mô hình quản lý hiện đại, nhấn mạnh vai trò của nhà quản lý, gắn kết sự tham gia của tất cả các thành viên trong trường và giúp trường giải quyết các vấn đề quản lý một cách đồng bộ, khoa học, luôn cập nhật, không ngừng cải tiến đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn.

- Nhấn mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường và lấy người học làm trung tâm.

- Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học.

- Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.

- Phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hoá các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng theo đúng quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

c) Chính sách chất lượng của Nhà trường

1. Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học;

2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhà giáo có đủ trình độ, phẩm chất và năng lực để đáp ứng tiêu chí trường chất lượng cao;

3. Phát triển chương trình đào tạo linh hoạt, thích ứng với thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.

4. Mở rộng hợp tác trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng để tạo điều kiện và cơ hội việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

5. Duy trì chuẩn mực về đạo đức và chất lượng trong giảng dạy, quản lý, học tập và rèn luyện để học sinh, sinh viên trở thành những con người có đạo đức, lý tưởng, hoài bão, kiến thức, kỹ năng nghề và sức khỏe đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội./.

d) Mục tiêu chất lượng của Nhà trường

1- Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2018-2019.

2- Đổi mới phương thức quản lý, tổ chức các hoạt động đào tạo theo hướng lấy người học làm trung tâm.

3- Trên 40% HSSV có kết quả học tập và rèn luyện đạt loại khá trở lên và tỷ lệ tốt nghiệp ra trường đạt trên 98%.

4- Giới thiệu và tư vấn việc làm cho 100% HSSV tốt nghiệp. Đảm bảo trên 90% HSSV có việc làm sau khi tốt nghiệp.

5- Xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm và bộ đề thi thực hành cho ít nhất 80% môn học, môn đôn chuyên môn nghề.

6- 90% đạt chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; trong đó có 70% nhà giáo đạt chuẩn theo quy định của trường chất lượng cao.

7- Công nhận từ 50 sáng kiến cấp cơ sở trở lên và có từ 05 sáng kiến trở lên được Hội đồng sáng kiến cấp Tỉnh, Bộ công nhận.

8- Đạt tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; có 01 chương trình đào tạo đạt được kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

d) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

- 1- Thi hết môn học, môn đôn;
- 2- Đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV;
- 3- Các chế độ chính sách của HSSV;
- 4- Công tác tài chính(thanh quyết toán);
- 5- Công tác thực tập trải nghiệm.

e) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

Nhà trường có hệ thống thông tin nội bộ thông suốt đảm bảo cho việc hỗ trợ thực hiện các hoạt động như mạng internet, mạng LAN; Có hệ thống thư điện tử (email) để nhận các thông tin, nhận sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo; Nhà trường có trang website riêng: <http://www.codienxaydungbacninh.edu.vn>.

Ngoài ra Nhà trường đang xây dựng hệ thống phần mềm đào tạo để có dữ liệu chung trong toàn trường và thực hiện các nhiệm vụ đào tạo của nhà trường theo đúng quy trình cũng như việc phân quyền, phân cấp đúng quy định đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch.

2.2. Đánh giá, cải tiến

Kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng được phê duyệt từ tháng 09 năm 2018, cho đến nay các công tác xây dựng vẫn đang tiếp tục thực hiện và đang mới vận hành, nên Trường chưa tổ chức đánh giá, cải tiến hệ thống.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Ưu điểm:

Hệ thống bảo đảm chất lượng trường được xây dựng giúp việc quản lý và thực hiện nhiệm vụ trong Trường được thuận lợi. Trách nhiệm của Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường được quy định rõ ràng. Chất lượng đào tạo

là trách nhiệm của mọi người tham gia quá trình đào tạo (Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên...)

3.2. Tồn tại, hạn chế:

+ Vẫn còn một số ít cán bộ, viên chức chưa thực sự hiểu rõ về hiệu quả của việc áp dụng quy trình quản lý chất lượng nên vẫn còn có tâm lý ngại thay đổi, làm việc theo thói quen cũ, dẫn đến hiệu quả xây dựng và áp dụng các công việc của trường theo quy trình quản lý lượng đã xây dựng chưa được như mong đợi;

+ Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý, cán bộ kiểm soát tham gia tập huấn chưa được nhiều, sự hiểu biết về mô hình khung và các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng chưa đầy đủ nên trong quá trình áp dụng còn nhiều hạn chế;

+ Chưa huy động được nhiều sự tham gia góp ý, xây dựng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của cán bộ, giáo viên, nhân viên nên khi vận hành vẫn bộc lộ những khó khăn, vướng mắc;

+ Còn hiện tượng một số cán bộ, giáo viên một số trường chưa thích ứng với hệ thống quản lý chất lượng, chưa khắc phục được thói quen ỷ lại, đối phó.

+ Việc áp dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng và vận hành hệ thống quản lý chất lượng còn hạn chế; chưa xây dựng được hệ thống thông tin phục vụ cho toàn bộ hoạt động quản lý, điều hành của trường.

3.3. Nguyên nhân:

+ Việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng hiện đại trong trường cùng với việc thay đổi thói quen theo mô hình quản lý cũ của nhà trường là một công việc rất khó khăn, phức tạp cần có nhiều thời gian và sự quyết tâm cao của toàn thể lãnh đạo, cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.

+ Hệ thống văn bản hướng dẫn còn hạn chế.

+ Thời gian dành cho việc xây dựng và áp dụng các nội dung quản lý trong hệ thống quản lý chất lượng tương đối ngắn, do vậy, một số nội dung quản lý chưa được áp dụng toàn bộ mà mới chỉ áp dụng được một số bước công việc trong toàn bộ quy trình quản lý;

+ Nguồn lực phục vụ việc xây dựng và áp dụng còn hạn chế, nhất là vấn đề liên quan đến tài chính.

3.4. Đề xuất:

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cần có thêm những lớp tập huấn chuyên sâu cho các cán bộ đặc biệt là cán bộ của đơn vị phụ trách trong nhà trường, để thuận lợi hơn trong việc xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng./.

Nơi nhận:

- TCGDNN (để b/c);
- Sở LĐ-TBXH tỉnh Bắc Ninh (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Lưu: VT, KTKĐCL.

HIỆU TRƯỞNG



